

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TP HÀ NỘI**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2021

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi  
con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Mai**

2. Ông **Nguyễn Văn Chiến**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hải** - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Công - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phí Thị T**, sinh năm 1979; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1975; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng HKTT: Thôn 5, xã CS, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Cùng địa chỉ nơi ở: Thôn 7, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2021 cùng các bản khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án của nguyên đơn chị Phí Thị T trình bày:***

Chị và anh **Nguyễn Văn Q** kết hôn với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn ngày 06/02/1998 tại UBND xã CS, huyện TT trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung

sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn do anh Q chơi bời, không tu chí làm ăn, thậm chí không chung thuỷ. Hai năm nay anh Q không ăn cơm ở nhà một bữa nào, cũng ít khi ngủ ở nhà, vợ chồng không còn thân mật như trước. Chị có hỏi thì anh Q không nói. Gần 2 tháng nay, anh Q không về nhà nữa, mà ở HL, xã BY với người phụ nữ khác. Chị nhận thấy hôn nhân của chị với anh Q không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 17/10/1998; cháu Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 13/8/2002 và cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 30/10/2017. Cả ba con đang ở với chị. Hiện cháu K và cháu O đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không có yêu cầu đề nghị gì, các cháu ở với ai là tùy các cháu. Đối với cháu A thì đề nghị Toà án giao cháu cho chị nuôi, chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho chị số tiền 3000.000đồng mỗi tháng. Hiện chị đang làm nghề tự do (đánh giấy ráp tại các xưởng mộc), thu nhập trung bình mỗi ngày 300.000đồng. Còn anh Q buôn đồ cũ như sập gụ, tủ chè, thu nhập cụ thể mỗi tháng chị không rõ.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

***Bị đơn anh Nguyễn Văn Q khai:***

Anh và chị Phí Thị T kết hôn với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn ngày 06/02/1998 tại UBND xã CS, huyện TT trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Hơn 1 tháng nay, vì công việc và dịch bệnh nên anh phải đi đây đó làm việc ít khi về nhà, do vậy chị T hiểu lầm anh, nghĩ anh không chung thuỷ. Bên cạnh đó, dạo này công việc khó khăn nên chậm thanh toán tiền lãi cho ngân hàng nên vợ chồng có bất hoà. Về nhà chị T không còn thân mật, tình cảm với anh, chị T tự chuyển sang phòng khác ngủ. Do vậy, việc chị T làm đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn bất ngờ, anh không đồng ý ly hôn, anh mong Toà án giải quyết để vợ chồng anh đoàn tụ. Trường hợp chị T kiên quyết thì anh cũng phải chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 17/10/1998; cháu Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 13/8/2002 và cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 30/10/2017. Hiện cháu K và cháu O đã trưởng. Đối với cháu Duy A thì anh đồng ý giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng số tiền 3000.000 đồng mỗi tháng cho chị Thảo. Hiện anh đang làm nghề buôn bán nội thất, thu nhập mỗi tháng từ 20 đến 25 triệu đồng.

Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Anh Q và chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Chứng cứ các đương sự giao nộp:**

- Đơn khởi kiện;
- Giấy chứng minh thư nhân dân của chị Phí Thị T (bản sao);
- Giấy chứng minh thư nhân dân của anh Nguyễn Văn Q (bản sao);
- Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Kiều O (bản sao);
- Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Văn K (bản sao);
- Trích lục khai sinh của cháu Nguyễn Duy A;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục hòa giải đã được tiến hành đúng pháp luật; Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phí Thị T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về tố tụng:**

Tòa án nhân dân huyện TT đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Phí Thị T. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q cư trú trên địa bàn huyện TT, thành phố Hà Nội. Do vậy Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phí Thị T và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện TT, TP Hà Nội ngày 06/02/1998. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc được thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai năm trở lại đây anh Q, chị T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Ngoài ra chị T và anh Q mâu thuẫn cũng là do kinh tế gia đình lâm vào cảnh nợ nần. Vợ chồng sống ly thân. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để hai bên tìm phương pháp giải quyết mâu thuẫn. Xong chị T đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có bất kỳ biện pháp nào để níu kéo tình cảm, thể hiện mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị T xin ly hôn anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 17/10/1998; cháu Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 13/8/2002 và cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 30/10/2017. Hiện cháu K và cháu O đã trưởng. Cháu A hiện tại vẫn đang ở với chị T, để đảm bảo cuộc sống của cháu không bị sáo trộn tiếp tục giao cháu Nguyễn Duy A cho chị T nuôi dưỡng. Anh Q đồng ý giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng mỗi tháng cho chị Thảo, phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí:** Chị Phí Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH;**

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 243, 245, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

**1. Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Phí Thị T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Phí Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 30/10/2017 cho chị Phí Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Nguyễn Duy A đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T số tiền 3.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi cháu Nguyễn Duy A đủ 18

tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn Q có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung vợ chồng, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

**2. Về án phí:** Chị Phí Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2016/0011981 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **3. Về quyền kháng cáo:**

Chị Phí Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã CS;
- Những người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Nguyễn Thị Ngọc Yên**